

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:136/2022/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hòa – Bà Phan Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:246/2022/QĐST- HNGĐ ngày 11/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2022/QĐ-HPT ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị M, sinh ngày 17/4/1999.

Trú tại: xóm 9, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Phan Văn B, sinh ngày 06/6/1990.

Trú tại: xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị M và Anh Phan Văn B tổ chức cưới nhau vào tháng 6/2017 âm lịch, hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương được sự đồng ý chấp thuận của gia đình hai bên. Chị M, Anh B đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 133 /2017 ngày 10/7/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến đầu năm 2019 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là

do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống có nhiều va chạm, xô xát, xử sự không đúng mực đối với nhau, nên vợ chồng mất hết tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Do mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc, trầm trọng vợ chồng không thể đoàn tụ, nên Chị M không có thức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng cũng không yêu cầu gia đình hai bên, các tổ chức đoàn thể nơi vợ chồng cư trú tổ chức hòa cho vợ chồng mà để mặc cho hậu quả hôn nhân cho hôn nhân đổ vỡ. Chị M xác định đã mất hết tình cảm tình yêu đối với Anh B nên chị đã chủ động sống ly thân cắt đứt các quan hệ, liên hệ đối với Anh B từ cuối năm 2020 cho đến nay. Để ổn định cuộc sống Chị M đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn Anh Phan Văn B.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 02 con chung cháu Phan Thị Kim L (Giới tính: Nữ), sinh ngày 11/01/2017 và cháu Phan Nguyễn Tố U (Giới tính: Nữ), sinh ngày 20/20/2018. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con thứ hai do Chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con thứ nhất đang được Anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung được vợ chồng nuôi dạy chu đáo trong quá trình sống ly thân, quyền lợi của con chung được đảm bảo. Nếu ly hôn Chị M đề nghị giao nuôi con theo hiện trạng, các bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- **Về quan hệ tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Anh Phan Văn B, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cô tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của Anh Phan Văn B. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Chị Nguyễn Thị M và Anh Phan Văn B cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại xóm 9, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, bị đơn có nơi cư trú tại xóm P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với nguyên đơn, bị đơn, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn Anh Phan Văn B không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn Anh Phan Văn B vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn Anh Phan Văn B.

[2] Về nội dung:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị M, Anh Phan Văn B đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị M, Anh B tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 133 /2017 ngày 10/7/2017, nên xác định hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị M và Anh Phan Văn B là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa Chị M, Anh B tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau trong quá trình sống chung. Chị M, Anh B không còn tình cảm với nhau đã sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ từ cuối năm 2020. Kể từ ngày sống ly thân cho đến nay các bên không có ý thức liên lạc níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa Chị M, Anh B đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm, mục đích hôn nhân giữa các bên không còn. Nay Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Anh B là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Nguyễn Thị M được ly hôn Anh Phan Văn B.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có hai con chung, từ ngày vợ chồng sống ly thân con thứ hai được Chị M trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đầu được Anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Con chung của vợ chồng được hai bên nuôi dạy tốt, phát triển tích cực về mọi mặt. Nay Chị M đề nghị giao con chung theo hiện trạng tức là giao cháu thứ hai cho chị nuôi, giao cháu đầu cho Anh B nuôi là đúng phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, nên áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Nguyễn Thị M.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do mỗi bên nuôi mỗi con chung, nên Chị M, Anh B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- **Về quan hệ tài sản:** Chị Nguyễn Thị M không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc Chị Nguyễn Thị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn Anh Phan Văn B.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tố U (Giới tính: nữ), sinh ngày 28/10/2018 cho Chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao con chung cháu Nguyễn Thị Kim L (Giới tính: nữ), sinh ngày 11/11/2017 cho Anh Phan Văn B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị M, Anh Phan Văn B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, các bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai ngăn cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Nguyễn Thị M nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0012129 ngày 05/10/2022. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc